

Số: 96/BC-BVHT

Hà Trung, ngày 25 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO
Tự kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2021

I. THÔNG TIN BỆNH VIỆN

Tên bệnh viện: BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN HÀ TRUNG – THANH HÓA
Địa chỉ: TK 5, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
Số giấy phép HD: 1142 (ngày cấp 27/12/2021)
Tuyến trực thuộc: Tuyến huyện
Cơ quan chủ quản: Sở Y tế Thanh Hóa
Hạng bệnh viện: Hạng II
Loại bệnh viện: Đa khoa

II. TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

Bệnh viện đã thành lập Đoàn tự kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2021 theo Quyết định số 51/QĐ-BYT ngày 18/01/2021 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung. Kết quả kiểm tra cụ thể như sau:

1. Nội dung 1: thông tin, số liệu hoạt động bệnh viện trong 12 tháng

Bệnh viện đã nhập báo cáo đầy đủ theo các nội dung tại phần mềm Quản lý Kiểm tra đánh giá chất lượng bệnh viện www.qlbv.vn/ktbv

2. Nội dung 2: đánh giá chất lượng bệnh viện

- Tổng số các tiêu chí được áp dụng đánh giá: 82/83 tiêu chí
- Tỷ lệ tiêu chí áp dụng so với 83 tiêu chí: 99%
- Tổng số điểm của các tiêu chí áp dụng: 284 (có hệ số 307)
- Điểm trung bình chung của các tiêu chí: 3,45

(Tiêu chí C3 và C5 có hệ số 2)

Kết quả chung chia theo mức	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
5. Số lượng tiêu chí đạt:	0	6	36	36	4
6. % tiêu chí đạt:	0,00	7.32	43.90	43.90	4.88

Chi tiết điểm chấm xem tại Phụ lục 1.

3. Nội dung 3: khảo sát hài lòng của người bệnh và nhân viên y tế

- Tiến hành khảo sát 30 người bệnh nội trú và 30 nhân viên y tế. Các phiếu khảo sát được đối tượng khảo sát nhập trực tiếp lên phần mềm trực tuyến <https://chatluongbenhvien.vn/>.

- Kết quả khảo sát hài lòng của người bệnh nội trú:

STT	Nội dung	Kết quả
1	Tổng điểm TB người dùng chọn	4.36 (4060/930)
2	Tỷ lệ hài lòng chung	97.20% (904/930)
3	Điểm TB theo từng phần	A: 4.45 (668/150) B: 4.43 (664/150) C: 4.27 (1153/270) D: 4.40 (923/210) E: 4.35 (652/150)
4	Tỷ lệ hài lòng so với mong đợi	94.80 (2844/30)
5	Tỷ lệ người bệnh sẽ quay trở lại	100% (30/30)
6	Chỉ số hài lòng toàn diện	80% (24/30)
	Tổng số phiếu được phân tích	30

- Kết quả khảo sát hài lòng của nhân viên y tế:

STT	Nội dung	Kết quả
1	Tổng điểm TB người dùng chọn	4.04 (5334/1320)
2	Tỷ lệ hài lòng chung	84.39% (1114/1320)
3	Điểm TB theo từng phần	A: 4.02 (1085/270) B: 4.08 (1101/270) C: 3.96 (1426/360) D: 4.08 (856/210) E: 4.12 (866/210)
4	Sẽ gắn bó làm việc tại bệnh viện lâu dài	86.67% (26/30)
5	Mức độ hài lòng nói chung về lãnh đạo BV	86.67% (26/30)
6	Chỉ số hài lòng toàn diện	40% (12/30)
	Tổng số phiếu được phân tích	30

4. Nội dung 4: Kiểm tra công tác an toàn phòng chống dịch COVID-19

Tổng điểm đạt: 136 điểm

Tỷ lệ đạt: 90,67%

Kết quả đánh giá: Bệnh viện an toàn

Chi tiết xem tại Phụ lục 2.

5. Kiểm tra công tác thu dung, điều trị COVID-19 và sự sẵn sàng tham gia cấp cứu, hồi sức tích cực người bệnh COVID-19

- Bệnh viện đã xây dựng và triển khai Kế hoạch số 641/KH-BVHT ngày 25/01/2021 về việc tăng cường năng lực cấp cứu, hồi sức tích cực điều trị người bệnh COVID-19 nặng.

- Bệnh viện đã nhập đầy đủ số liệu trực tuyến theo Công văn số 1534/KCB-QLCL&CDT ngày 26/11/2021 về việc báo cáo sơ bộ triển khai Đề án 3616/QĐBYT.

- Triển khai đến toàn thể nhân viên trong toàn viện, truyền thông qua hệ thống loa truyền thông của bệnh viện nội dung Công điện số 2146/CD-BYT ngày 22/12/2021 về việc tiếp tục triển khai các giải pháp giảm tử vong do COVID-19.

- Thực hiện đầy đủ, đúng hạn báo cáo nhanh tình hình thu dung người bệnh COVID-19 và danh sách người bệnh tử vong do COVID-19 trên phần mềm trực tuyến cdc.kcb.vn theo Công văn số 7077/BYT-KCB ngày 26/8/2021 về việc báo cáo công tác thu dung, điều trị ca bệnh COVID-19 (F0)/.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (B/c);
- Ban Giám đốc bệnh viện (B/c);
- Các khoa, phòng;
- Lưu: KHTH, VT.

GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Chính

Phụ lục 1:
KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

I. KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG

Mã số	Chỉ tiêu	Điểm tự đánh giá
A	PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)	
A1	A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)	
A1.1	Người bệnh được chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn cụ thể	4
A1.2	Người bệnh được chờ đợi trong phòng đầy đủ tiện nghi và được vận chuyển phù hợp với tình trạng bệnh tật	3
A1.3	Bệnh viện tiến hành cải tiến quy trình khám bệnh, đáp ứng sự hài lòng người bệnh	3
A1.4	Bệnh viện bảo đảm các điều kiện cấp cứu người bệnh kịp thời	3
A1.5	Người bệnh được làm các thủ tục, khám bệnh, thanh toán... theo đúng thứ tự bảo đảm tính công bằng và mức ưu tiên	4
A1.6	Người bệnh được hướng dẫn và bố trí làm xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng theo trình tự thuận tiện	3
A2	A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)	
A2.1	Người bệnh điều trị nội trú được nằm một người một giường	3
A2.2	Người bệnh được sử dụng buồng vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ các phương tiện	3
A2.3	Người bệnh được cung cấp vật dụng cá nhân đầy đủ, sạch sẽ, chất lượng tốt	5
A2.4	Người bệnh được hưởng các tiện nghi bảo đảm sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm lý	3
A2.5	Người khuyết tật được tiếp cận với các khoa/phòng, phương tiện và dịch vụ khám, chữa bệnh trong bệnh viện	3
A3	A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)	
A3.1	Người bệnh được điều trị trong môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp	5
A3.2	Người bệnh được khám và điều trị trong khoa/phòng gọn gàng, ngăn nắp	3
A4	A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)	
A4.1	Người bệnh được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình điều trị	3

Mã số	Chỉ tiêu	Điểm tự đánh giá
A4.2	Người bệnh được tôn trọng quyền riêng tư cá nhân	4
A4.3	Người bệnh được nộp viện phí thuận tiện, công khai, minh bạch, chính xác	4
A4.4	Người bệnh được hưởng lợi từ chủ trương xã hội hóa y tế	0
A4.5	Người bệnh có ý kiến phản nàn, thắc mắc hoặc khen ngợi được bệnh viện tiếp nhận, phản hồi, giải quyết kịp thời	4
A4.6	Bệnh viện thực hiện khảo sát, đánh giá sự hài lòng người bệnh và tiến hành các biện pháp can thiệp	4
B	PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)	
B1	B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)	
B1.1	Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực bệnh viện	3
B1.2	Bảo đảm và duy trì ổn định số lượng nhân lực bệnh viện	4
B1.3	Bảo đảm cơ cấu chức danh nghề nghiệp của nhân lực bệnh viện	3
B2	B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)	
B2.1	Nhân viên y tế được đào tạo và phát triển kỹ năng nghề nghiệp	2
B2.2	Nhân viên y tế được nâng cao kỹ năng ứng xử, giao tiếp, y đức	4
B2.3	Bệnh viện duy trì và phát triển bền vững chất lượng nguồn nhân lực	4
B3	B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)	
B3.1	Bảo đảm chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ của nhân viên y tế	4
B3.2	Bảo đảm điều kiện làm việc, vệ sinh lao động và nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên y tế	5
B3.3	Sức khỏe, đời sống tinh thần của nhân viên y tế được quan tâm và cải thiện	3
B3.4	Tạo dựng môi trường làm việc tích cực cho nhân viên y tế	4
B4	B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)	
B4.1	Xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển bệnh viện và công bố công khai	4
B4.2	Triển khai văn bản của các cấp quản lý	4
B4.3	Bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực quản lý bệnh viện	3

Mã số	Chỉ tiêu	Điểm tự đánh giá
B4.4	Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý kế cận	5
C	PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)	
C1	C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)	
C1.1	Bảo đảm an ninh, trật tự bệnh viện	4
C1.2	Bảo đảm an toàn điện và phòng chống cháy nổ	2
C2	C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)	
C2.1	Hồ sơ bệnh án được lập đầy đủ, chính xác, khoa học	3
C2.2	Hồ sơ bệnh án được quản lý chặt chẽ, đầy đủ, khoa học	3
C3	C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2)	
C3.1	Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và thông tin y tế	4
C3.2	Thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động chuyên môn	3
C4	C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)	
C4.1	Thiết lập và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn	2
C4.2	Xây dựng và hướng dẫn nhân viên y tế thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	4
C4.3	Triển khai chương trình và giám sát tuân thủ rửa tay	4
C4.4	Đánh giá, giám sát và triển khai kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	3
C4.5	Chất thải rắn bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	4
C4.6	Chất thải lỏng bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	4
C5	C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)	
C5.1	Thực hiện danh mục kỹ thuật theo phân tuyến kỹ thuật	2
C5.2	Nghiên cứu và triển khai áp dụng các kỹ thuật mới, phương pháp mới	3
C5.3	Áp dụng các hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và triển khai các biện pháp giám sát chất lượng	4

Mã số	Chỉ tiêu	Điểm tự đánh giá
C5.4	Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị	4
C5.5	Áp dụng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị đã ban hành và giám sát việc thực hiện	3
C6	C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)	
C6.1	Hệ thống điều dưỡng trưởng được thiết lập và hoạt động hiệu quả	3
C6.2	Người bệnh được điều dưỡng hướng dẫn, tư vấn điều trị và chăm sóc, giáo dục sức khỏe phù hợp với bệnh đang được điều trị	4
C6.3	Người bệnh được chăm sóc vệ sinh cá nhân trong quá trình điều trị tại bệnh viện	3
C7	C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)	
C7.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện	2
C7.2	Bệnh viện bảo đảm cơ sở vật chất để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện	4
C7.3	Người bệnh được đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng trong thời gian nằm viện	4
C7.4	Người bệnh được hướng dẫn, tư vấn chế độ ăn phù hợp với bệnh lý	4
C7.5	Người bệnh được cung cấp chế độ dinh dưỡng phù hợp với bệnh lý trong thời gian nằm viện	3
C8	C8. Chất lượng xét nghiệm (2)	
C8.1	Bảo đảm năng lực thực hiện các xét nghiệm huyết học, hóa sinh, vi sinh và giải phẫu bệnh	3
C8.2	Bảo đảm chất lượng các xét nghiệm	3
C9	C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)	
C9.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức hoạt động dược	3
C9.2	Bảo đảm cơ sở vật chất khoa Dược	4
C9.3	Cung ứng thuốc và vật tư y tế tiêu hao đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng	4
C9.4	Sử dụng thuốc an toàn, hợp lý	4
C9.5	Thông tin thuốc, theo dõi báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) kịp thời,	4

Mã số	Chỉ tiêu	Điểm tự đánh giá
	đầy đủ và có chất lượng	
C9.6	Hội đồng thuốc và điều trị được thiết lập và hoạt động hiệu quả	4
C10	C10. Nghiên cứu khoa học (2)	
C10.1	Tích cực triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học	3
C10.2	Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong hoạt động bệnh viện và các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh	3
D	PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)	
D1	D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)	
D1.1	Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện	3
D1.2	Xây dựng và triển khai kế hoạch, đề án cải tiến chất lượng bệnh viện	3
D1.3	Xây dựng văn hóa chất lượng	3
D2	D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5)	
D2.1	Phòng ngừa nguy cơ, diễn biến bất thường xảy ra với người bệnh	4
D2.2	Xây dựng hệ thống báo cáo, phân tích sự cố y khoa và tiến hành các giải pháp khắc phục	4
D2.3	Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu các sự cố y khoa	3
D2.4	Bảo đảm xác định chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ	3
D2.5	Phòng ngừa nguy cơ người bệnh bị trượt ngã	4
D3	D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)	
D3.1	Đánh giá chính xác thực trạng và công bố công khai chất lượng bệnh viện	4
D3.2	Đo lường và giám sát cải tiến chất lượng bệnh viện	3
D3.3	Hợp tác với cơ quan quản lý trong việc xây dựng công cụ, triển khai, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng bệnh viện	4
E	PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA	
E1	E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4)	
E1.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa và sơ sinh	2

Mã số	Chỉ tiêu	Điểm tự đánh giá
E1.2	Bệnh viện thực hiện tốt hoạt động truyền thông sức khỏe sinh sản trước sinh, trong khi sinh và sau sinh	3
E1.3	Bệnh viện tuyên truyền, tập huấn và thực hành tốt nuôi con bằng sữa mẹ theo hướng dẫn của Bộ Y tế và UNICEF	4
E2.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc nhi khoa	3

II. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUNG

Kết quả chung chia theo mức	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Điểm TB	Số TC áp dụng
PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)	0	0	10	6	2	3.56	18
A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)	0	0	4	2	0	3.33	6
A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)	0	0	4	0	1	3.40	5
A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)	0	0	1	0	1	4.00	2
A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)	0	0	1	4	0	3.80	5
PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)	0	1	4	7	2	3.71	14
B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)	0	0	2	1	0	3.33	3
B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)	0	1	0	2	0	3.33	3
B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)	0	0	1	2	1	4.00	4
B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)	0	0	1	2	1	4.00	4
PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)	0	4	14	17	0	3.37	35
C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)	0	1	0	1	0	3.00	2
C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)	0	0	2	0	0	3.00	2
C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2)	0	0	1	1	0	3.50	2
C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)	0	1	1	4	0	3.50	6
C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn	0	1	2	2	0	3.20	5

Kết quả chung chia theo mức	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Điểm TB	Số TC áp dụng
(5) (điểm x2)							
C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)	0	0	2	1	0	3.33	3
C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)	0	1	1	3	0	3.40	5
C8. Chất lượng xét nghiệm (2)	0	0	2	0	0	3.00	2
C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)	0	0	1	5	0	3.83	6
C10. Nghiên cứu khoa học (2)	0	0	2	0	0	3.00	2
PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)	0	0	6	5	0	3.45	11
D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)	0	0	3	0	0	3.00	3
D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5)	0	0	2	3	0	3.60	5
D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)	0	0	1	2	0	3.67	3
PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA	0	1	2	1	0	3.00	4
E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4)	0	1	1	1	0	3.00	3

III. TÓM TẮT CÔNG VIỆC TỰ KIỂM TRA BỆNH VIỆN

1. Đoàn Kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 51/QĐ-BVHT ngày 18/01/2022 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung. Thành phần đoàn gồm đại diện Ban giám đốc, các phòng chức năng, khoa Sản, khoa Xét nghiệm, khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn; khoa Dinh dưỡng. Thời gian kiểm tra 03 ngày 19 - 21/01/2022. Đoàn kiểm tra đã thực hiện chia tổ và tổ chức kiểm tra việc thực hiện 83 tiêu chí bệnh viện Việt Nam, theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành ngày 18/11/2016, lấy phiếu đánh giá sự hài lòng của bệnh nhân nội trú và cán bộ viên chức và người lao động trong toàn bệnh viện.

2. Đoàn kiểm tra đã phân công nhiệm vụ kiểm tra theo các tiêu chí và thống nhất kết quả chấm cuối cùng. Cụ thể:

Tiêu chí A3, A4, C1: Đ/c Mai Sỹ Hùng.

Tiêu chí C2, C3, C5: Đ/c Lê Văn Thư.

Tiêu chí A1, A2, C6: Đ/c Mai Thị Hồng.

Tiêu chí B: Đ/c Trần Thị Ninh.

Tiêu chí C4: Đ/c Bùi Văn Hiền.

Tiêu chí C8: Đ/c Lê Thị Thế.

Tiêu chí C9: Đ/c Tống Khắc Chấn.

Tiêu chí C10, D: Đ/c Nguyễn Thị Hà.

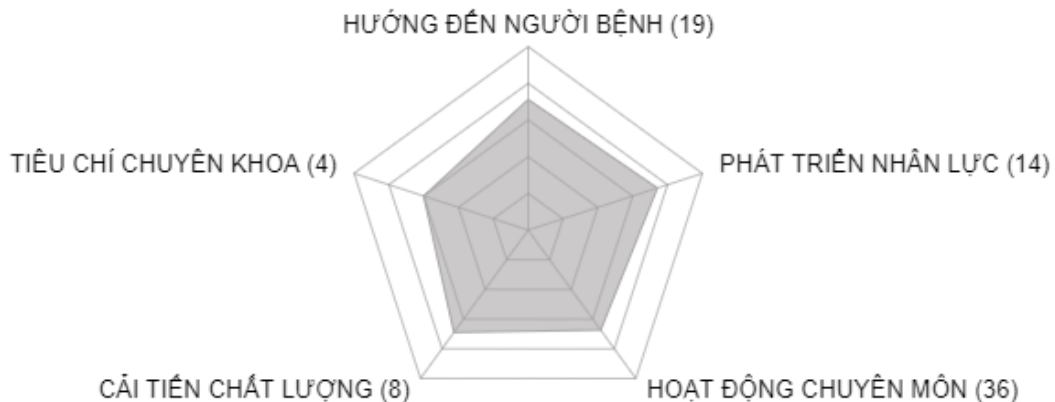
Tiêu chí E: Đ/c Đoàn Quang Vinh.

Khảo sát hài lòng của NB nội trú và NVYT: Đ/c Nguyễn Thị Hằng.

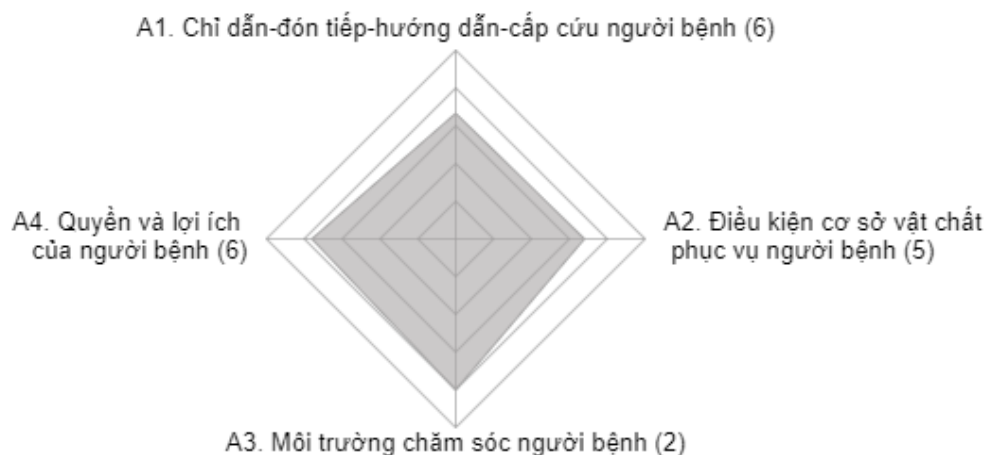
Số lượng tiêu chí áp dụng là 82, kết quả đánh giá chung tổng số điểm đạt 284 điểm (có hệ số: 307), điểm trung bình đạt 3,45 điểm, số lượng tiêu chí đạt theo các mức: 06 tiêu chí mức 2 (mức trung bình) chiếm 7,32%; 36 tiêu chí mức 3 (mức khá) chiếm 43,90%; 36 tiêu chí mức 4 (mức tốt) chiếm 43,90%; 4 tiêu chí mức 5 (mức rất tốt) chiếm 4,88% .

IV. BIỂU ĐỒ CÁC KHÍA CẠNH CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

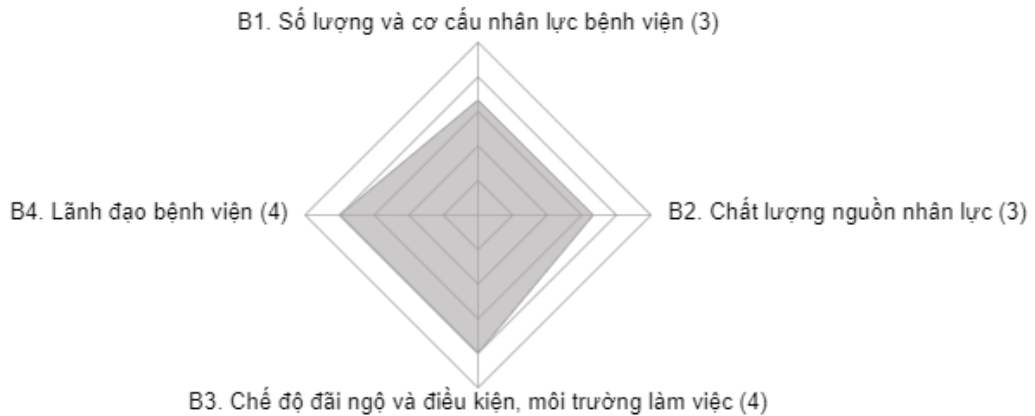
a. Biểu đồ chung cho 5 phần (từ phần A đến phần E)



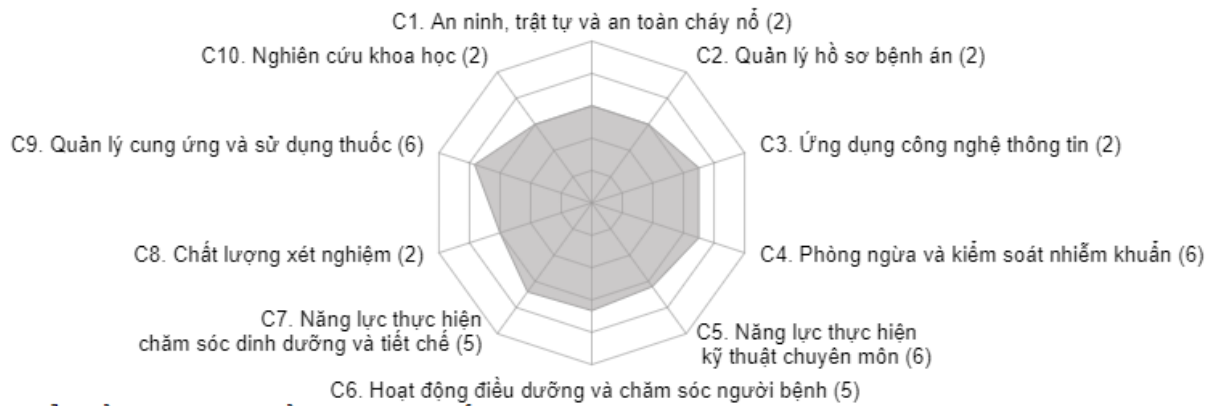
b. Biểu đồ riêng cho phần A (từ A1 đến A4)



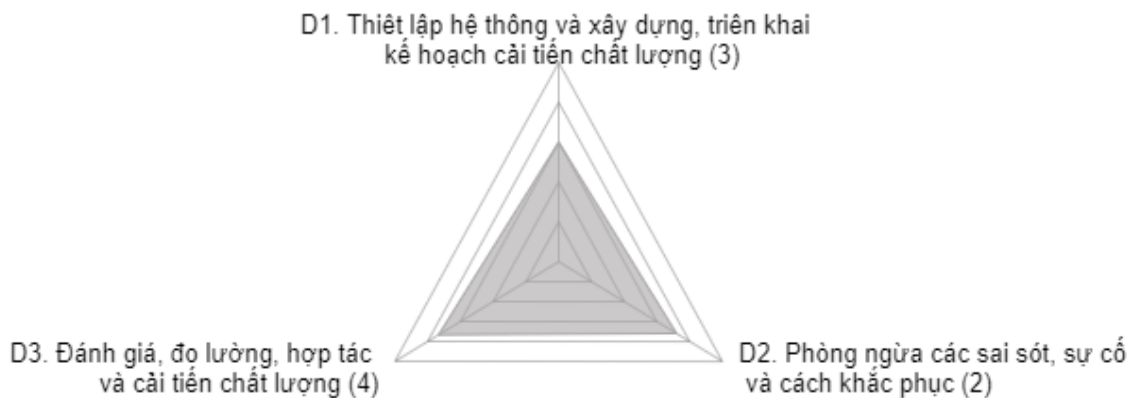
c. Biểu đồ riêng cho phần B (từ B1 đến B4)



d. Biểu đồ riêng cho phần C (từ C1 đến C10)



e. Biểu đồ riêng cho phần D (từ D1 đến D3)



V. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC ƯU ĐIỂM CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

1. Bệnh viện đa khoa Hà Trung là bệnh viện hạng II, có 350 giường kế hoạch, và 419 giường thực kê. Bệnh viện đã triển khai nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng bệnh viện, đáp ứng sự lòng người bệnh.

Tự đánh giá về chất lượng bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung có các ưu điểm như sau:

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị được đầu tư cải tạo thường xuyên liên tục; công trình nhà vệ sinh được cải tạo nâng cấp đáp ứng nhu cầu phục vụ cho người bệnh; Môi trường cảnh quan Xanh - Sạch - Đẹp, mỹ quan, tạo cảnh quan môi trường phục vụ cho công tác chăm sóc điều trị cho người bệnh thân thiện.

- Công tác quản lý được và công tác chăm sóc người bệnh được thực hiện tốt theo các bậc thang chất lượng.

- Có nguồn nhân lực dồi dào.

VI. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC NHƯỢC ĐIỂM, VẤN ĐỀ TỒN TẠI

Nhược điểm: Số lượng nguồn nhân lực đông nhưng chất lượng nguồn nhân lực chưa cao; ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác khám chữa bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án và nâng cao chất lượng bệnh viện còn chưa thực sự mạnh mẽ; công tác an ninh trật tự mặc dù được quan tâm nhưng vẫn còn một số yếu kém; đã ban hành các quy trình, quy định nhưng công tác kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm và đưa ra những giải pháp khắc phục còn chưa được thực hiện đầy đủ và có hệ thống.

VII. XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ ƯU TIÊN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

- Bổ sung các quy trình, quy định về công tác kiểm tra, đánh giá, kiểm soát chất lượng, rút kinh nghiệm, thực hiện khắc phục những hạn chế, yếu kém.

Xây dựng, triển khai kế hoạch và đề án cải tiến chất lượng của các khoa/phòng, Thực hiện đo lường và giám sát chất lượng bệnh viện.

- Các tiêu chí được ưu tiên cải tiến chất lượng bệnh viện cụ thể như sau:

Tiêu chí B2.1. Nhân viên y tế được đào tạo và phát triển kỹ năng nghề nghiệp

Tiêu chí C1.2. Đảm bảo an toàn điện và phòng chống cháy nổ

Tiêu chí C4.1. Thiết lập và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn

Tiêu chí C5.1. Thực hiện danh mục kỹ thuật theo phân tuyến kỹ thuật

Tiêu chí C7.1. Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện

Tiêu chí E1.1. Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa và sơ sinh

VIII. GIẢI PHÁP, LỘ TRÌNH, THỜI GIAN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

- Tổ chức kiểm tra tay nghề, chuyên môn cho nhân viên y tế công tác dưới 5 năm bằng hình thức tổ chức hội thi.

- Có phòng xét nghiệm vi sinh đạt an toàn sinh học cấp 2.
- Bổ nhiệm Lãnh đạo khoa Dinh dưỡng có trình độ đại học chuyên ngành y và có bằng chuyên khoa chuyên ngành dinh dưỡng - tiết chế hoặc có chứng chỉ dinh dưỡng lâm sàng.
- Có trên 50% khoa/phòng xây dựng được ít nhất 01 chỉ số chất lượng cụ thể nhằm đánh giá, theo dõi chất lượng hoạt động của khoa/phòng đó.
- Hàng quý thực hiện đánh giá việc sử dụng thuốc, chỉ ra những nhược điểm, hạn chế cần khắc phục và đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng.
- Bổ sung các danh mục dịch vụ kỹ thuật theo phân tuyến đạt ít nhất 60% theo danh mục BHYT ban hành.
- Mời chuyên gia, tổ chức huấn luyện phòng cháy chữa cháy cho toàn viện.

IX. KẾT LUẬN, CAM KẾT CỦA BỆNH VIỆN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Năm 2022 bệnh viện tiếp tục cải tiến chất lượng bệnh viện hạn chế tối ưu các tiêu chí ở mức 2. Chấm điểm kiểm tra Bệnh viện cuối năm 2022 tăng trên 5% số điểm so với cùng kỳ năm 2021.

Phụ lục 2:

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ BỘ TIÊU CHÍ BỆNH VIỆN AN TOÀN PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19 VÀ CÁC DỊCH BỆNH VIÊM ĐƯỜNG HÔ HẤP CẤP

Ngày đánh giá: 25/01/2022

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
CHƯƠNG 1. THÀNH LẬP BAN CHỈ ĐẠO VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG DỊCH			
TC 1.1	Xây dựng, kiện toàn Ban chỉ đạo phòng, chống dịch và các Tổ công tác của bệnh viện (5 điểm)*		
	Đã thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống dịch ngay khi có dịch.	1	1
	Đã thành lập Ban chỉ đạo và xác định rõ vai trò lãnh đạo: - Giám đốc làm Trưởng ban - Phó Giám đốc chuyên môn: Tổ trưởng Tổ chuyên môn.	1	1
	Đã thành lập Ban chỉ đạo, xác định rõ vai trò lãnh đạo với các tổ giúp việc: - Tổ Chuyên môn (Điều trị, Kiểm soát nhiễm khuẩn...) - Tổ Điều tra dịch tễ - Tổ Truyền thông - Tổ Tài chính - Hậu cần - Tổ Giám sát	1	1
	Đã thành lập Ban chỉ đạo với đầy đủ quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ của các Tổ giúp việc và các thành viên.	1	1
	Tổ giúp việc và các thành viên triển khai công việc đầy đủ theo phân công của Ban chỉ đạo.	1	1
TC 1.2	Chuẩn bị chi tiết kế hoạch ứng phó khi dịch bệnh xảy ra trong bệnh viện (5 điểm)*		
	Có kế hoạch ứng phó khi dịch xảy ra trong bệnh viện.	1	1
	Kế hoạch được xây dựng chi tiết, đầy đủ các nội dung phân công công việc, khung thời gian hoàn thành, quá trình thực hiện, dự trù kinh phí, giám sát thực hiện.	1	1

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
	Có kế hoạch chi tiết phân ca kíp, chia nhóm làm việc, chuyển viện, chuyển tuyến.	1	1
	Có kế hoạch chi tiết duy trì điều trị người bệnh mạn tính, chạy thận nhân tạo.	1	1
	Có kế hoạch chi tiết ứng dụng kết nối trực tuyến để họp, giao ban, hội chẩn.	1	1
TC 1.3	Chuẩn bị đầy đủ các phương án ứng phó với tình huống dịch bệnh khi có công bố dịch (7 điểm) *		
	Có kịch bản ứng phó bệnh dịch.	1	1
	Kịch bản có các tình huống theo cấp độ dịch.	1	1
	Kịch bản có tình huống cách ly một đơn nguyên (đơn nguyên thiết yếu, đơn nguyên không thiết yếu).	1	1
	Kịch bản ổ dịch trong bệnh viện có cách ly nhiều đơn nguyên (đơn nguyên thiết yếu, đơn nguyên không thiết yếu).	1	1
	Kịch bản ổ dịch trong bệnh viện có cách ly toàn bộ bệnh viện.	1	1
	Đã tổ chức diễn tập những tình huống có thể diễn tập.	1	1
	Đã tiến hành rút kinh nghiệm và điều chỉnh kịch bản sau diễn tập.	1	1
TC 1.4	Thực hiện mua sắm dự trữ trang thiết bị, vật tư phòng, chống dịch bệnh (3 điểm)*		
	Có dự trữ và mua sắm trang thiết bị, vật tư phòng, chống dịch.	1	1
	Dự trữ đầy đủ phương tiện phòng hộ cá nhân thiết yếu theo Quyết định (QĐ) 1259 và 1460 (hoặc theo QĐ hiện hành).	1	0
	Dự trữ đầy đủ trang thiết bị, vật tư tiêu hao và thuốc thiết yếu theo QĐ 941 và 1533 (hoặc theo QĐ hiện hành).	1	1
TC 1.5	Chuẩn bị khu vực cách ly cho nhân viên y tế (4 điểm) *		
	Bố trí sẵn sàng địa điểm khu vực sẽ sử dụng để cách ly nhân viên y tế khi dịch xảy ra.	1	1
	Chuẩn bị sẵn sàng phương tiện phòng hộ trong khu vực dự kiến sẽ cách ly nhân viên y tế.	1	1

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
	Chuẩn bị sẵn sàng quy chế quản lý hoạt động của khu vực cách ly cho nhân viên y tế.	1	1
	Chuẩn bị sẵn sàng kế hoạch hậu cần duy trì trong khu vực cách ly cho nhân viên y tế.	1	1
CHƯƠNG 2. ĐÀO TẠO VÀ TẬP HUẤN			
TC 2.1	Tập huấn cho toàn bộ nhân viên về các quy trình phòng chống dịch bệnh phù hợp với vị trí làm việc (3 điểm)*		
	Có tổ chức tập huấn Hướng dẫn của Bộ Y tế về khám sàng lọc, chẩn đoán và điều trị COVID-19 hoặc dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác.	1	1
	Tập huấn về kiểm soát nhiễm khuẩn và kỹ năng sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân.	1	1
	Tập huấn kỹ năng hồi sinh tim phổi cho người bệnh có bệnh đường hô hấp.	1	1
TC 2.2	Tập huấn đào tạo nhân lực dự bị trong trường hợp thiếu hụt nhân lực chính do dịch bệnh (3 điểm)		
	Có kế hoạch huy động nhân lực dự bị, trong đó có danh sách nhân lực dự bị.	1	0
	Có kế hoạch tập huấn, đào tạo cho nhân lực dự bị.	1	0
	Đã tiến hành tập huấn, đào tạo lĩnh vực chuyên môn cần huy động trong tình huống dịch (sử dụng máy thở, lấy mẫu và vận chuyển bệnh phẩm).	1	0
CHƯƠNG 3. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA CHUNG			
TC 3.1	Quy định kiểm soát việc đeo khẩu trang trong bệnh viện (3 điểm) *		
	Có hướng dẫn dưới các hình thức truyền thông khác nhau như áp- phích, băng rôn, ti-vi nhắc mọi người phải đeo khẩu trang trong bệnh viện.	1	1
	Có phân công bộ phận chịu trách nhiệm chính trong việc kiểm soát, giám sát mọi người tuân thủ đeo khẩu trang ở bệnh viện.	1	1
	Tất cả nhân viên đều có trách nhiệm nhắc nhở mọi người đeo	1	1

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
	khẩu trang trong bệnh viện nếu gặp người bệnh, người nhà người bệnh không tuân thủ.		
TC 3.2	Mức độ tuân thủ việc đeo khẩu trang (5 điểm) * <i>(cho điểm theo kết quả đánh giá các mức độ tuân thủ khác nhau: 90% người bệnh tuân thủ được 1 điểm, 10% người bệnh còn lại tuân thủ được thêm 1 điểm; 100% được 1+1 = 2 điểm)</i>		
	100% nhân viên tại các khu vực có tiếp xúc người bệnh.	1	1
	≥ 90% người bệnh khi đến khám bệnh.	1	1
	100% người bệnh khi đến khám bệnh.	1	1
	≥ 90% người nhà người bệnh và khách thăm.	1	1
	100% người nhà người bệnh và khách thăm.	1	1
TC 3.3	Vệ sinh tay trong bệnh viện (5 điểm) *		
	Những vị trí rửa tay bằng nước luôn sẵn có xà phòng.	1	1
	Có khăn lau dùng 1 lần tại những vị trí rửa tay bằng nước.	1	1
	Những vị trí đông người (sảnh chờ...), vị trí có nhiều người qua lại (cổng, cửa, cầu thang, hành lang...) đều được lắp đặt bình chứa dung dịch nước sát khuẩn tay nhanh.	1	1
	Có phân công bộ phận kiểm tra thường xuyên các bình chứa bảo đảm cung cấp đầy đủ, thường xuyên dung dịch nước sát khuẩn tay nhanh.	1	1
	Những vị trí có nhiều người qua lại như cổng, cửa ở tiền sảnh có lắp đặt bình chứa dung dịch nước sát khuẩn tay nhanh loại cảm ứng tự động.	1	1
CHƯƠNG 4. SÀNG LỌC VÀ PHÂN LƯỜNG			
TC 4.1	Hệ thống biển báo sàng lọc, phân luồng (4 điểm) *		
	Có các biển báo về sàng lọc, phân luồng người đến khám bệnh.	1	1
	Hệ thống biển báo có nội dung đầy đủ, đúng như hướng dẫn của Công văn 1385/CV-BCĐQG ngày 19/3/2020.	1	1
	Có hệ thống biển báo đầy đủ ở các vị trí cần hướng dẫn sàng lọc, phân luồng.	1	1

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
	Có hệ thống biển báo có chiếu sáng phản quang hoặc có hộp đèn buổi tối.	1	1
TC 4.2	Bàn tiếp nhận và phân loại (6 điểm) *		
	Có bàn tiếp nhận và phân loại.	1	1
	Hướng dẫn, kiểm tra người đến bệnh viện thực hiện khai báo y tế điện tử.	1	1
	Bàn tiếp nhận và phân loại bố trí trong vòng 10m từ cổng bệnh viện (trường hợp do hạn chế về cơ sở hạ tầng nếu bố trí bàn xa trên 10m cần có luồng đi riêng được chằng dây từ cổng và không đi qua khối nhà).	1	1
	Bàn tiếp nhận và phân loại bảo đảm điều kiện thông khí (mở cửa, quạt gió hoặc bố trí ở nơi thông thoáng).	1	1
	Có bình sát khuẩn tay, có thùng/túi thu gom rác thải và nhân viên được phân công có mặt thường xuyên.	1	1
	Sẵn có khẩu trang phát (hoặc bán) cho người bệnh đến khám (nếu người bệnh không mang).	1	1
TC 4.3	Phương pháp kiểm tra thân nhiệt phân luồng người bệnh (tối đa 3 điểm) *		
	Đo thân nhiệt bằng máy (máy đo cầm tay, máy quét...).	1	1
	Đo thân nhiệt bằng máy quét (máy quét thường hoặc máy quét ghi hình).	1	0
	Đo thân nhiệt bằng máy quét có ghi hình.	1	0
TC 4.4	Hệ thống phân luồng cho người đi khám (4 điểm) *		
	Có tiến hành phân luồng người đến khám bệnh.	1	1
	Người có nguy cơ được bố trí đi cổng riêng, có lối đi phân luồng riêng dành cho đối tượng nguy cơ.	1	1
	Lối đi phân luồng dành cho đối tượng nguy cơ không đi xuyên qua hoặc đi dọc hành lang các tòa nhà có đông người.	1	1
	Lối đi phân luồng được chằng dây hoặc rào chắn, bảo đảm nguyên tắc đường đi một chiều.	1	1

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
TC 4.5	Buồng khám sàng lọc (5 điểm) *		
	Có buồng khám sàng lọc.	1	1
	Buồng khám sàng lọc tách biệt hẳn với khu vực điều trị nội trú hoặc nơi tập trung đông người, thông khí tốt.	1	1
	Buồng khám sàng lọc có chuẩn bị sẵn phương tiện phòng hộ cá nhân.	1	1
	Buồng khám sàng lọc có phòng đệm, bồn rửa tay, nhà vệ sinh.	1	0
	Buồng khám sàng lọc nối liền với khu vực lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm và chiếu chụp hoặc thực hiện ngay tại buồng khám sàng lọc.	1	0
TC 4.6	Buồng cách ly cho ca bệnh nghi ngờ (3 điểm) *		
	Có buồng cách ly thông khí tốt, không sử dụng chung hệ thống điều hòa trung tâm.	1	1
	Buồng cách ly thông khí tốt, tách biệt hẳn với khu vực điều trị nội trú hoặc tập trung đông người.	1	1
	Buồng cách ly thông khí tốt có đủ phòng đệm, bồn rửa tay, nhà vệ sinh.	1	1
CHƯƠNG 5. PHÒNG NGỪA LÂY NHIỄM TẠI MỘT SỐ KHU VỰC TẬP TRUNG ĐÔNG NGƯỜI			
TC 5.1	Áp dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động khám chữa bệnh (2 điểm)		
	Có bộ phận nhận đặt lịch hẹn khám bằng điện thoại.	1	1
	Có đặt lịch hẹn khám qua mạng.	1	1
TC 5.2	Khu vực chờ, xếp hàng khám bệnh (3 điểm) *		
	Có thông báo, hướng dẫn hạn chế người nhà đưa người bệnh đi khám.	1	1
	Có giải pháp tăng cường thông khí tại khu vực chờ (mở thêm cửa sổ tận dụng thông khí tự nhiên, lắp đặt thêm quạt thông gió...).	1	1
	Các ghế ngồi chờ khám được bố trí với mật độ thông thoáng; ghế ngồi chờ bố trí phù hợp với tình hình dịch.	1	1

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
TC 5.3	Hoạt động lấy mẫu xét nghiệm (5 điểm) *		
	Phòng lấy mẫu bảo đảm thông khí tốt, làm sạch các bề mặt bằng dung dịch khử khuẩn phù hợp hàng ngày.	1	1
	Thực hiện đúng quy định giãn cách khi lấy mẫu xét nghiệm theo tình hình dịch.	1	1
	Bố trí riêng rẽ khu vực lấy các loại mẫu bệnh phẩm khác nhau.	1	1
	Nhân viên lấy mẫu rửa tay (và thay găng tay nếu cần sử dụng găng tay) ngay sau lấy mẫu cho mỗi người bệnh.	1	1
	Nhân viên y tế trực tiếp tiếp xúc người nghi nhiễm bệnh đường hô hấp khi lấy mẫu được trang bị đầy đủ phương tiện phòng hộ cá nhân.	1	1
TC 5.4	Chẩn đoán hình ảnh (4 điểm) *		
	Phòng chụp bảo đảm thông khí tốt, làm sạch các bề mặt bằng dung dịch khử khuẩn phù hợp hàng ngày.	1	1
	Có hướng dẫn và không để 2 người bệnh đồng thời vào một buồng chụp X quang, CT, MRI hoặc siêu âm.	1	1
	Bố trí buồng chụp X quang, CT, MRI và siêu âm riêng cho những người đến khám nghi viêm đường hô hấp cấp tính. Nếu sử dụng chung buồng chụp X quang, CT, MRI và siêu âm thì thực hiện khử khuẩn các bề mặt theo quy định sau mỗi lần sử dụng.	1	1
	Nhân viên y tế trực tiếp tiếp xúc người nghi viêm đường hô hấp cấp tính khi làm chẩn đoán hình ảnh được trang bị đầy đủ phương tiện phòng hộ cá nhân.	1	1
TC 5.5	Thăm dò chức năng (4 điểm) *		
	Phòng thăm dò chức năng bảo đảm thông khí tốt, làm sạch các bề mặt bằng dung dịch khử khuẩn phù hợp hàng ngày.	1	1
	Có hướng dẫn và không để 2 người bệnh đồng thời vào một phòng thăm dò chức năng.	1	1
	Nhân viên y tế trực tiếp tiếp xúc người nghi viêm đường hô hấp cấp tính khi làm thăm dò chức năng, người thực hiện các thăm dò có sinh khí dung như nội soi phế quản được trang bị đầy đủ phương tiện phòng hộ cá nhân theo quy định.	1	1

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
	Bố trí riêng rẽ khu vực thực hiện từng loại thăm dò chức năng không xâm nhập và xâm nhập, trong đó tách riêng thủ thuật sinh khí dung như nội soi phế quản.	1	1
TC 5.6	Nhà thuốc (4 điểm) *		
	Khu vực nhà thuốc bảo đảm thông thoáng, thông khí tự nhiên hoặc nhân tạo (quạt gió...).	1	1
	Có dung dịch sát khuẩn tay cho khách hàng đến quầy thuốc.	1	1
	Có tấm ngăn giữa nhân viên nhà thuốc và khách hàng.	1	1
	Có tủ cực tím khử khuẩn tiền mặt hoặc triển khai hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.	1	1
TC 5.7	Quầy bán hàng (3 điểm - không áp dụng đối với bệnh viện không có quầy bán hàng)		
	Khu vực quầy bán hàng bảo đảm thông thoáng, thông khí tự nhiên hoặc nhân tạo (quạt gió...).	1	1
	Có dung dịch sát khuẩn tay cho khách hàng đến quầy bán hàng.	1	1
	Có tủ cực tím khử khuẩn tiền mặt hoặc triển khai hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.	1	0
TC 5.8	Nhà ăn, căng-tin (5 điểm - không áp dụng đối với bệnh viện không có nhà ăn, căng-tin)		
	Có bồn rửa tay ngay bên ngoài hoặc trong nhà ăn, căng-tin; có xà-phòng hoặc dung dịch sát khuẩn tay.	1	1
	Có phục vụ các suất ăn đóng gói cho khách mang về.	1	1
	Các bàn ăn và chỗ ngồi được bố trí thông thoáng theo tình hình dịch, có thông khí tự nhiên hoặc nhân tạo (quạt gió).	1	1
	Các bề mặt nhà ăn cần lau sạch hằng ngày bằng dung dịch khử khuẩn.	1	1
	Có vách ngăn (bằng kính, mi-ca hoặc nhựa...) giữa các bàn ăn.	1	1
TC 5.9	Quầy thu viện phí (4 điểm) *		
	Khu vực quầy thu viện phí bảo đảm thông thoáng, thông khí tự nhiên hoặc nhân tạo.	1	1

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
	Có dung dịch sát khuẩn tay cho người nộp tiền.	1	1
	Có tấm ngăn giữa nhân viên thu viện phí và người nộp tiền.	1	1
	Có tủ cực tím khử khuẩn tiền mặt hoặc triển khai hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.	1	1
CHƯƠNG 6. QUẢN LÝ AN TOÀN NB VÀ NGƯỜI NHÀ NGƯỜI BỆNH			
TC 6.1	Quy định hạn chế người nhà người bệnh theo tình hình dịch (3 điểm) *		
	Có quy định hạn chế số lượng người nhà người bệnh (mỗi người bệnh chỉ có 1 người nhà đi cùng).	1	1
	Quy định về việc hạn chế số lượng người nhà người bệnh đã phổ biến cho nhân viên thực hiện và giám sát.	1	1
	Quy định về việc hạn chế số lượng người nhà người bệnh đã niêm yết công khai cho người bệnh, người nhà người bệnh thực hiện.	1	1
TC 6.2	Chuẩn bị khu vực cách ly cho người bệnh chuyển đến từ vùng dịch (3 điểm) *		
	Trên 80% khoa lâm sàng bố trí ít nhất 1 buồng cách ly tạm thời theo quy định.	1	1
	Toàn bộ khoa lâm sàng bố trí sẵn sàng ít nhất 1 buồng cách ly tạm thời theo quy định.	1	1
	Bệnh viện sẵn sàng có khu vực cách ly riêng biệt hoặc khoa điều trị riêng cho các ca bệnh nghi ngờ COVID-19 hoặc dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác, ngăn cách hoàn toàn không cho người không có nhiệm vụ vào khu vực này.	1	1
TC 6.3	Vận chuyển người bệnh trong bệnh viện (5 điểm) *		
	Có bố trí ít nhất 1 xe lăn dành cho người nghi nhiễm/người nhiễm bệnh viêm đường hô hấp cấp, xe lăn có đánh dấu phân biệt rõ ràng.	1	1
	Có bố trí ít nhất 1 cang có bánh xe dành cho người nghi nhiễm/người nhiễm bệnh viêm đường hô hấp cấp, cang có đánh dấu phân biệt rõ ràng.	1	1

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
	Có khu vực để xe lăn/cáng có bánh xe riêng và ghi rõ: “khu vực để phương tiện vận chuyển phục vụ người nghi nhiễm bệnh viêm đường hô hấp cấp”. Xe lăn không phục vụ đối tượng khác.	1	1
	Có quy trình khử khuẩn sau mỗi lần sử dụng phương tiện. Các phương tiện vận chuyển người bệnh sau khi kết thúc sử dụng phải xử lý ngay theo đúng quy trình trước khi sử dụng cho người bệnh tiếp theo.	1	1
	Nhân viên y tế tham gia vận chuyển người bệnh được trang bị đủ phương tiện phòng hộ cá nhân; trình bày và thực hành đúng quy trình xử lý khử khuẩn phương tiện vận chuyển người bệnh.	1	1
TC 6.4	Bố trí buồng bệnh điều trị nội trú tại các khoa (6 điểm) *		
	Buồng điều trị thông thoáng, tăng cường thông khí (thông khí tự nhiên như mở cửa sổ nhưng không mở ra hành lang, lối đi, thông khí nhân tạo như quạt gió..).	2	2
	Trong mỗi buồng bệnh lắp đặt cố định ít nhất 1 bình xịt cồn sát khuẩn tay nhanh, bảo đảm luôn có dung dịch cồn sát khuẩn trong bình.	1	1
	Khoảng cách giữa các giường ít nhất 1m, không nằm ghép; khoảng cách giữa các giường ít nhất 2m theo mức độ dịch tăng.	2	2
	Có rèm che bằng vật liệu chống thấm ngăn cách giữa các giường bệnh trong toàn bộ các buồng bệnh.	1	0
TC 6.5	Chăm sóc người bệnh nội trú (5 điểm) *		
	Nhân viên y tế được cấp phát đầy đủ phương tiện phòng hộ cá nhân phù hợp khi điều trị, chăm sóc người bệnh nghi nhiễm COVID-19 hoặc các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác.	1	1
	Bố trí người bệnh có bệnh đường hô hấp ở những buồng bệnh riêng, hạn chế tối đa 2 giường bệnh trong các buồng bệnh điều trị người bệnh có bệnh đường hô hấp.	1	1
	Triển khai chăm sóc toàn diện người bệnh ít nhất tại các khoa hồi sức cấp cứu và khoa hô hấp, hạn chế việc yêu cầu người nhà người bệnh cùng chăm sóc.	1	1
	Triển khai chăm sóc toàn diện cho toàn bộ người bệnh chăm sóc cấp I tại toàn bộ các khoa.	1	1

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
	Triển khai chăm sóc toàn diện cho toàn bộ người bệnh tại bệnh viện.	1	0
TC 6.6	Quản lý người bệnh nội trú (4 điểm) *		
	Yêu cầu người bệnh thông báo ngay khi mới xuất hiện biểu hiện viêm đường hô hấp.	1	1
	Yêu cầu người bệnh thông báo ngay khi biết người nhà người bệnh được chẩn đoán COVID-19 hoặc các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác.	1	1
	Bảo đảm quản lý chặt chẽ người bệnh tại các khoa điều trị, không phát hiện thấy có người bệnh viêm đường hô hấp cấp đi lại tự do trong và ngoài bệnh viện.	1	1
	Bảo đảm cung cấp suất ăn, nước uống đầy đủ cho người bệnh viêm đường hô hấp cấp tại các khoa trong quá trình nằm viện.	1	1
TC 6.7	Tăng cường hoạt động tư vấn và khám chữa bệnh từ xa (5 điểm) *		
	Thiết lập và ban hành quy chế hoạt động đường dây nóng tư vấn về COVID-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác cho người dân.	1	1
	Lập kế hoạch và thực hiện định kỳ hội chẩn, thảo luận ca bệnh trực tuyến với các bệnh viện khác.	1	0
	Bảo đảm tất cả các trường hợp người bệnh chuyển đến/chuyển đi đều được thảo luận và thông báo trước qua điện thoại hoặc ứng dụng công nghệ thông tin cho cơ sở chuyển đi/chuyển đến.	1	1
	Lập kế hoạch và thành lập bộ phận/đơn vị phụ trách khám, chữa bệnh từ xa.	1	0
	Triển khai, duy trì hoạt động thường xuyên bộ phận/đơn vị phụ trách khám, chữa bệnh từ xa cho tối thiểu 2 đối tượng (ví dụ người bệnh mạn tính đang được quản lý tại bệnh viện).	1	0
CHƯƠNG 7. QUẢN LÝ AN TOÀN NHÂN VIÊN Y TẾ			
TC 7.1	Hội chẩn giữa các khoa, họp liên khoa và giao ban bệnh viện (4 điểm) *		
	Có quy trình hội chẩn giữa các khoa, họp liên khoa và giao ban	1	1

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
	bệnh viện trong tình huống phòng chống dịch COVID-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác.		
	Có quy định hình thức giao ban, hội chẩn, họp trực tuyến trong tình huống phòng chống dịch COVID-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác.	1	1
	Có đầy đủ thiết bị hình ảnh, âm thanh, đường truyền... phục vụ hình thức giao ban, hội chẩn, họp trực tuyến tại các khoa, phòng liên quan. Các thiết bị bảo đảm hoạt động tốt và trong trạng thái sẵn sàng kích hoạt.	1	1
	Nhân viên bệnh viện thực hiện hội chẩn giữa các khoa, họp liên khoa và giao ban bệnh viện theo quy trình đã được bệnh viện phê duyệt, trong đó sử dụng hình thức giao tiếp trực tuyến trong bối cảnh có nguy cơ dịch bệnh.	1	1
TC 7.2	Theo dõi sức khỏe nhân viên y tế (4 điểm) *		
	Có quy định yêu cầu nhân viên y tế tự giác theo dõi sức khỏe bản thân, gia đình và các triệu chứng bệnh đường hô hấp. Khi xuất hiện triệu chứng viêm đường hô hấp cấp, nhân viên y tế báo cáo ngay với người quản lý trực tiếp.	1	1
	Có hệ thống theo dõi, quản lý tình hình báo cáo bệnh viêm đường hô hấp cấp của nhân viên y tế trên phạm vi toàn bệnh viện (kể cả các bộ phận dịch vụ bảo vệ, nhà ăn.).	1	1
	Có hệ thống quản lý bằng công nghệ thông tin để ghi nhận tình hình báo cáo bệnh viêm đường hô hấp của nhân viên y tế.	1	1
	Nhân viên y tế có triệu chứng viêm đường hô hấp cấp được khám sàng lọc COVID-19 hoặc các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp khác.	1	1
TC 7.3	Quản lý nguy cơ nhân viên dịch vụ thuê ngoài (3 điểm) *		
	Tất cả nhân viên dịch vụ thuê ngoài đều được tập huấn về các yếu tố dịch tễ, nguy cơ bệnh truyền nhiễm, kiểm soát nhiễm khuẩn và sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân.	1	1
	Tất cả nhân viên dịch vụ thuê ngoài được trang bị đầy đủ phương tiện phòng hộ cá nhân phù hợp với tính chất công việc (ví dụ bảo vệ được cung cấp khẩu trang).	1	1

Chương & Tiêu chí	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm chấm
	Có phân công cho đơn vị và cá nhân cụ thể thực hiện quản lý giám sát việc tuân thủ quy định kiểm soát nhiễm khuẩn của nhân viên dịch vụ thuê ngoài.	1	1
CHƯƠNG 8. VỆ SINH BỆNH VIỆN			
TC 8.1	Quản lý khu vực nhà vệ sinh (3 điểm) *		
	Có quy định các bề mặt nhà vệ sinh được lau sạch bằng dung dịch khử khuẩn hàng ngày theo các khung giờ nhất định.	1	1
	Nhân viên thực hiện đầy đủ việc lau sạch bằng dung dịch khử khuẩn hàng ngày cho các bề mặt nhà vệ sinh theo đúng quy định. Nếu phát sinh chất thải bẩn trên bề mặt nhà vệ sinh đều được lau sạch kịp thời trong vòng 15 phút.	1	1
	Nhân viên thu dọn nhà vệ sinh mang đầy đủ khẩu trang y tế và các phương tiện phòng hộ cá nhân như ủng, găng tay cao su.	1	1
TC 8.2	Vệ sinh các bề mặt thường xuyên tiếp xúc (3 điểm) *		
	Có bố trí đầy đủ dung dịch khử khuẩn tại các vị trí người bệnh, người nhà người bệnh, nhân viên y tế thường xuyên tiếp xúc (tay nắm cửa, thang máy.).	1	1
	Có quy định vệ sinh bề mặt bằng các biện pháp thích hợp hoặc phun xịt dung dịch khử khuẩn vào các bề mặt thường xuyên tiếp xúc (ít nhất 1 buổi/lần trong thời điểm dịch bệnh và ít nhất 1 ngày/lần ngoài thời điểm dịch bệnh).	1	1
	Thực hiện vệ sinh bề mặt hoặc phun xịt dung dịch khử khuẩn các bề mặt thường xuyên tiếp xúc theo đúng quy định.	1	1
	ĐIỂM TỔNG CỘNG	150	136

Tổng điểm: 136 điểm

Tỷ lệ đạt: 90,67%

Kết quả đánh giá: Bệnh viện an toàn